TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____

Bán án số: 361/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26 tháng 11 năm 2020.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà: Võ Chi Lan.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Danh Hiếu.
2. Ông Phạm Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị An Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 9 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1993. Có mặt.
Địa chỉ cư trú: Ấp ÔN, xã TTr, thị xã GC, Tiền Giang.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Ngọc D: Luật sư Nguyễn Văn Th – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Th thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt.
Bị đơn: Đặng Anh Nh, sinh năm 1987. Có mặt.
Địa chỉ cư trú: Ấp ÔN, xã TTr, thị xã GC, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2020 của chị Nguyễn Thị Ngọc D là nguyên đơn;tại Văn bản bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Ngọc D của luật sư Nguyễn Văn Th và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:*

Chị D và anh N kết hôn năm 2019, được Ủy ban nhân dân xã Tân Trung cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2019. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh

mâu thuẩn do cả hai không hợp tính, không chia sẻ được mọi việc trong cuộc sống. Anh, chị ly thân hơn 01 năm. Nay tình cảm không còn Chị D yêu cầu được ly hôn với anh N. Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Thành D, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2020; khi ly hôn Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi và yêu cầu anh N cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho cháu D tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: 10 chỉ vàng 24k bán để xây nhà tiền chế nên yêu cầu chia đôi xin nhận bằng tiền là 26.500.000 đồng, yêu cầu anh N hoàn lại cho Chị D số tiền này trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật và nợ chung không có. Tại phiên tòa, Chị D thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con là buộc anh N cấp dưỡng cho cháu D mỗi tháng 750.000 đồng; về tài san chung yêu cầu hoàn lại giá trị 05 chỉ vàng 24k với số tiền 26.500.000 đồng trong thời hạn 04 tháng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

* *Anh Đặng Anh Nh là bị đơn trình bày*: Chị D ly hôn, anh đồng ý vì sống chung không hợp tính. Về con chung: Anh đồng ý để 01 người con chung là cháu Nguyễn Thành D cho Chị D trực tiếp nuôi, anh cấp dưỡng mỗi tháng 750.000 đồng. Về tài sản chung: 10 chỉ vàng cưới vợ chồng bán để xây nhà tiền chế, đồng ý theo yêu cầu của Chị D nhưng xin giao bằng tiền là 26.500.000 đồng trong thời hạn 06 tháng. Về nợ chung không có.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 27 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân; các điều 21, 22, 26, 35, 46, 48, 49, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 73, 92, 96, 97 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án và đương sự tuân theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị D là được ly hôn với anh N; về con chung giao cháu D cho Chị D trực tiếp nuôi, anh N phải phải cấp dưỡng mỗi tháng 750.000 đồng; về tài sản chung buộc anh N có nghĩa vụ giao lại cho Chị D số tiền 26.500.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật; về nợ chung không có; về án phí áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH thì đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về thủ tục tố tụng**: Chị D ly hôn với anh N là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Giữa Chị D và anh N là tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Tân Trung, thị xã Gò Công cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2019 là hợp pháp. Thời gian chung sống, cả hai cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẩn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau; Chị D ly hôn, anh N đồng ý nên Hội đồng xét xử công nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Thành D, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2020; khi ly hôn Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi và yêu cầu anh N cấp dưỡng mỗi tháng 750.000 đồng cho cháu D tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh N đồng ý để cháu D cho Chị D trực tiếp nuôi và đồng ý cấp dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản chung: Chị D yêu cầu được chia ½ tài sản chung và nhận bằng tiền là 26.500.000 đồng, anh N đồng ý . Về thời gian giao tiền thì Chị D yêu cầu giao trong thời hạn 04 tháng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật, anh N xin giao trong hạn 06 tháng không được Chị D chấp nhận nên cần buộc anh N giao số tiền nêu trên theo yêu cầu của Chị D.

[4]. Về nợ chung: Không có.

[5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Các đương sự chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 85, 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Đặng Anh Nh.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành D, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2020 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Buộc anh Đặng Anh Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thành D mỗi tháng 750.000 đồng (*Bảy trăm năm chục nghìn đồng*). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Thành D đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp cần thiết thì chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Đặng Anh Nh có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng (*Nếu có*).

3. Về tài sản chung: Buộc anh Đặng Anh Nh có nghĩa vụ giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 26.500.000 đ (*Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Thời hạn giao tiền là 04 tháng tính từ ngày án có hiệu lự pháp luật.*

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng anh Đặng Anh Nh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc D chịu 1.625.000 đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 1.050.000 đồng (*Một triệu*

không trăm năm mươi nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị Ngọc D đã tạm ứng án phí tại biên lai số 43948 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp tiếp số tiền 575.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*);

Anh Đặng Anh Nh chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
-Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
-UBND xã Tân Trung;
- Đương sự;
- Lưu hs, án văn. Ln 12.

VÕ CHI LAN